

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tấn Lợi

2. Ông Huỳnh Kim Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị P, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn T, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Chị P có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nhận ngày 30/6/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị P trình bày: chị và anh T cưới nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2003 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T không chung thủy với chị mà phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên ngăn anh T nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2007 đến nay. Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Võ Thị Thùy D, sinh ngày: 23/8/1999 hiện đã thành niên và Lâm Trọng N, sinh ngày 12/9/2002, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lâm Trọng N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không có

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Lâm Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Võ Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn T là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Anh Lâm Văn T đã được Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Võ Thị P và anh Lâm Văn T cưới nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2003 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn theo chị P trình bày do anh T không chung thủy với chị, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2007 đến nay nên chị cương quyết xin ly hôn.

Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không gửi cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa. Từ đó cho thấy, anh T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị P.

Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị P và anh T có 02 con chung tên Lâm Võ Thị Thùy D, sinh ngày: 23/8/1999 hiện đã thành niên và Lâm Trọng N, sinh ngày 12/9/2002. Hiện tại, cháu N đang sống với chị P đã ổn định, cháu N cũng có nguyện vọng được sống với chị P, việc chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lâm Trọng N là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

Chị P tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị P trình bày tài sản và nợ chung không có nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị Võ Thị P phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị P về việc “tranh chấp ly hôn” đối với anh Lâm Văn T.

Về hôn nhân: Chị Võ Thị P được ly hôn với anh Lâm Văn T.

Về nuôi con chung: chị P và anh T có 02 con chung tên Lâm Võ Thị Thùy D, sinh ngày: 23/8/1999 hiện đã thành niên và Lâm Trọng N, sinh ngày 12/9/2002. Chị Võ Thị P được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Trọng N, sinh ngày 12/9/2002. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Võ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số

0008644 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị P đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc